

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 21%.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In, phát hành bản đồ và tranh ảnh giáo dục, kinh doanh thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại

#### 1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có biến động nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay chi nhánh nào.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### **4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bìa nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **4.7 Dự phòng phải trả**

Dự phòng nợ phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán này. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán này.

### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.9 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.10 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### **4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng trong kỳ là hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, ...

### **4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **4.14 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ, 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục, hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	282.868.000	61.921.000
Tiền gửi ngân hàng	6.097.998.810	7.018.858.340
<b>Cộng</b>	<b>6.380.866.810</b>	<b>7.080.779.340</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

### 7. Phải thu của khách hàng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **a. Ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	1.355.549.960	2.292.602.122
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	1.377.490.276	524.189.899
Các đối tượng khác	10.599.254.872	9.839.506.032
<b>Cộng</b>	<b>13.332.295.108</b>	<b>12.656.298.053</b>

### **b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

		<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Nhà xuất bản giáo dục tại Cần Thơ	Công ty đầu tư	1.109.985.120	428.631.672
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư	564.848.720	427.686.095
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu	221.082.510	131.174.510
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu	451.270.041	342.799.224
<b>Cộng</b>		<b>2.347.186.391</b>	<b>1.330.291.501</b>

## **8. Phải thu khác**

### **a. Ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Lãi dự thu	19.899.542	-	10.450.000	-
Phải thu người lao động				-
Phải thu khác	31.313.816	-	11.744.455	-
<b>Cộng</b>	<b>51.213.358</b>	<b>-</b>	<b>22.194.455</b>	<b>-</b>

### **b. Dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Quỹ đầu tư xuất bản	400.000.000		-	-
Ký cược, ký quỹ	-		130.517.000	-
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>130.517.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	364.758.347	525.716.767
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu từ 1 năm đến 2 năm	168.243.908	2.470.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu từ 6 tháng đến dưới 1 năm	117.870.297	1.217.520
<b>Cộng</b>	<b>650.872.552</b>	<b>529.404.287</b>

#### b. Nợ xấu

	31/12/2015				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Khả năng thu hồi nợ
<b>Phải thu khách hàng</b>					
- Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	165.000.000	-	>3 năm	-	-Không có khả năng thu hồi do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
<b>Cộng</b>	<b>165.000.000</b>				

	31/12/2014				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Khả năng thu hồi nợ
<b>Phải thu khách hàng</b>					
- Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	165.000.000	-	>3 năm	-	-Không có khả năng thu hồi do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
<b>Cộng</b>	<b>165.000.000</b>				

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.711.414		34.135.795	
Chi phí SX, KD dở dang	-		-	
Thành phẩm	4.839.388.192	1.449.575.583	5.721.904.236	1.115.989.317
Hàng hóa	2.606.187.428	373.293.848	3.972.958.023	400.928.810
Hàng gửi bán	-	-	2.946.967	-
<b>Cộng</b>	<b>7.450.287.034</b>	<b>1.822.869.431</b>	<b>9.731.945.021</b>	<b>1.716.918.127</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 1.734.645.853 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch tái để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng
- Lý do lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng tồn kho tồn lâu (năm xuất bản), không bán được.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	32.579.292	16.550.505
Tem chống in lậu	814.262	54.397
<b>Cộng</b>	<b>33.393.554</b>	<b>16.604.902</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	342.503.748	2.486.967.700	659.399.121	3.488.870.569
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.486.967.700</b>	<b>659.399.121</b>	<b>3.488.870.569</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	342.503.748	1.693.700.870	659.399.122	2.695.603.739
Khấu hao trong kỳ	-	51.755.844	-	51.755.844
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>1.745.456.714</b>	<b>659.399.122</b>	<b>2.747.359.583</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	1.038.638.915	23.092.257	1.061.731.172
Số cuối kỳ	-	793.266.830	0	793.266.830



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.746.012.007 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 426.636.472 đồng.

### **13. Phải trả người bán**

#### **a. Ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Xí nghiệp bản đồ 1 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	513.089.569	754.589.562
Nhà máy in Bản đồ - CN Cty TNHH MTV NXBTN MT & BĐVN	161.572.708	477.041.784
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	434.543.901	719.803.823
Các đối tượng khác	1.371.272.007	1.607.646.952
<b>Cộng</b>	<b>2.480.478.185</b>	<b>3.559.082.121</b>

#### **b. Nợ quá hạn chưa thanh toán cho người bán**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Công ty Cổ phần In và văn hóa phẩm	-	-
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội	-	330.253.804
Công ty CP Kỹ thuật mới	-	-
Các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>330.253.804</b>

#### **c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	706.779.970	279.022.957
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	10.416.000	355.924.014
<b>Cộng</b>		<b>717.195.970</b>	<b>634.946.971</b>

### **14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

#### **a. Phải nộp**

	<b>Đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	103.665.692	846.658.798	873.701.183	76.623.307
Thuế Thu nhập cá nhân	184.834.263	387.958.790	493.154.808	79.638.245
Thuế GTGT	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>288.499.955</b>	<b>1.234.617.588</b>	<b>1.366.855.991</b>	<b>156.261.552</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 15. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	149.116.388	135.498.336
Thù lao HĐQT, BKS	67.520.000	77.500.000
Thuế TNCN thu thừa	132.771.162	107.457.923
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.240.411	2.466.879.411
Phải trả khác	11.853.571	
<b>Cộng</b>	<b>364.501.532</b>	<b>2.787.335.670</b>

### 16. Dự phòng phải trả

#### a. Dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	326.292.500
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>326.292.500</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>1.322.620.858</b>	<b>433.415.474</b>	<b>8.066.782.969</b>
Tăng trong năm			1.311.373.367	307.862.045	2.527.103.402
Giảm trong năm					4.617.367.518
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>5.976.518.853</b>
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>5.976.518.853</b>
Tăng trong kỳ					2.920.510.282
Giảm trong kỳ					63.103.402
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>8.833.925.733</b>

#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2015	31/12/2014
<b>Vố đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	18.600.000.000	18.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	18.600.000.000	18.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>3.696.000.000</b>

### **c. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>1.860.000</b>	<b>1.860.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>1.860.000</b>	<b>1.860.000</b>
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.860.000</i>	<i>1.860.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.760.000</i>	<i>1.760.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VNĐ)		

### **d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	5.976.518.853	8.066.782.969
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.920.510.282	2.527.103.402
Phân phối lợi nhuận	63.103.402	4.617.367.518
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	63.103.402	2.153.367.518
- <i>Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>0</i>	<i>307.862.045</i>
- <i>Trích Quỹ Dự phòng tài chính</i>	<i>0</i>	<i>307.862.045</i>
- <i>Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi</i>	<i>63.103.402</i>	<i>305.643.428</i>
- <i>Chia cổ tức</i>	<i>0</i>	<i>1.232.000.000</i>
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này		2.464.000.000
Chia lãi cho các cổ đông		2.464.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>8.833.925.733</b>	<b>5.976.518.853</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### a. Doanh thu

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.322.994.675</b>	<b>9.389.606.805</b>
- Doanh thu sách tham khảo	4.862.519	1.049.164.041
- Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	2.436.459.973	4.272.396.483
- Doanh thu phim, băng, đĩa	25.292.500	87.035.950
- Doanh thu thiết bị giáo dục	3.042.810.821	3.918.213.008
- Doanh thu khác	(186.431.138)	62.797.323
<b>Cộng</b>	<b>5.322.994.675</b>	<b>9.389.606.805</b>

#### b. Doanh thu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	3.701.628.003	4.252.816.156
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	3.144.257.614	2.655.126.800
Công ty CP Sách giáo dục TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu	2.917.734.592	2.701.107.840
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu	4.429.828.750	4.364.752.828
<b>Cộng</b>		<b>14.193.448.959</b>	<b>13.973.803.624</b>

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
Chiết khấu thương mại	410.444.097	
Hàng bán bị trả lại	144.011.500	180.027.465
<b>Cộng</b>	<b>554.455.597</b>	<b>180.027.465</b>

### 20. Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
- Giá vốn sách tham khảo	1.173.448	968.925.854
- Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.062.649.140	2.465.350.425
- Giá vốn phim, băng, đĩa	9.238.067	138.234.581
- Giá vốn thiết bị giáo dục	2.339.572.611	2.984.568.928
- Giá vốn hoạt động khác	(150.280.237)	51.858.044
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.223.578)	(169.702.545)
	<b>3.174.129.451</b>	<b>6.439.235.287</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	123.218.004	108.686.941
<b>Cộng</b>	<b>123.218.004</b>	<b>108.686.941</b>

### 22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
- Chi phí vận chuyển bán hàng	94.924.752	182.187.582
- Tiền lương nhân viên bán hàng	271.270.155	228.140.717
- Chi phí thuê kho, phân bổ CCDC	288.441.188	91.061.835
- Chi phí khảo sát thị trường		
- Các khoản khác	136.782.933	807.528.600
<b>Cộng</b>	<b>791.419.028</b>	<b>1.308.918.734</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
- Tiền lương	254.044.659	327.773.490
- Chi phí thuê nhà		31.540.909
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(144.933.335)	
- Các chi phí khác	421.309.201	610.851.920
<b>Cộng</b>	<b>530.420.525</b>	<b>970.166.319</b>

### 23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	344.087.758	419.743.985
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng		
+ Chi khen thưởng khách hàng có doanh số cao		
+ Chi phí không hợp lệ		51.463.701
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	16.200.000	
Điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế		471.207.686
- Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp	(2.640.000)	181.191.650
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>76.623.307</b>	<b>284.857.342</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	267.464.451	134.886.643
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế		
-Điều chỉnh tăng		
-Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)		
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>152</b>	<b>77</b>

### 25. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

### 26. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội  
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh

**Mối quan hệ**  
Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	31/12/2015	31/12/2014
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	825.322.550	758.880.000
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Mua thiết bị giáo dục	4.222.082.189	4.053.626.825
<b>Cộng</b>		<b>5.047.404.739</b>	<b>4.812.506.825</b>

### 27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bán đồ tranh ảnh, thiết bị giáo dục... và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 28. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.480.478.185		2.480.478.185
Phải trả khác	364.501.532		364.501.532
Dự phòng phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.844.979.717</b>	<b>0</b>	<b>2.844.979.717</b>

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.559.082.121		3.559.082.121
Phải trả khác	2.651.837.334		2.651.837.334
Dự phòng phải trả	326.292.500		326.292.500
<b>Cộng</b>	<b>6.537.211.955</b>	<b>0</b>	<b>6.537.211.955</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.380.866.810		16.380.866.810
Phải thu khách hàng	12.681.422.556		12.681.422.556
Phải thu khác	51.213.358	400.000.000	451.213.358
<b>Cộng</b>	<b>29.113.502.724</b>	<b>400.000.000</b>	<b>29.513.502.724</b>

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.080.779.340		15.080.779.340
Phải thu khách hàng	12.126.893.766		12.126.893.766
Phải thu khác	22.194.455	130.517.000	22.194.455
<b>Cộng</b>	<b>27.229.867.561</b>	<b>130.517.000</b>	<b>27.229.867.561</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 29. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại do thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**

**Đặng Thị Như**

**Ngô Thị Hương Giang**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2016*